

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	529	115	145	138	131
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	513 96,98%	111 96,52%	138 95,17%	134 97,1%	130 99,24%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	16 3,02%	4 3,48%	7 4,83%	4 2,9%	1 0,76%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	529	115	145	138	131
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	212 40,08%	37 32,17%	56 38,62%	65 54,14%	54 41,22%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	231 43,67%	56 48,7%	67 46,21%	56 40,58%	52 39,69%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	84 15,88%	21 18,26%	21 14,48%	17 12,32%	25 19,08%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,38%	1 0,87%	1 0,69%	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	529 100%	115 100%	145 100%	138 100%	131 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	212 40,08%	37 32,17%	56 38,62%	65 54,14%	54 41,22%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	231 43,67%	56 48,7%	67 46,21%	56 40,58%	52 39,69%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,38%	1 0,87%	1 0,69%	0	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	16/3	9/1	2/1	5/0	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	62	0	0	30	32
2	Cấp tỉnh/thành phố	20	0	0	11	9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	104	0	0	0	104
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	131	0	0	0	131
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	54 41,22%	0	0	0	54 41,22%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	52 39,69%	0	0	0	52 39,69%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	25 19,08%	0	0	0	25 19,08%
VII	Số học sinh thi đỗ THPT công lập (tỷ lệ so với tổng số)	107/119 90%	0	0	0	107/119 90%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	285/244	69/46	79/66	70/68	67/64
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	6	3	0	2	1

Đông Triều, ngày 16 tháng 09 năm 2021
Thủ trưởng đơn vị

Hoàng Ánh Tuyết

